

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 22/7/2020

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Chi**

Ông **Nguyễn Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V (Tên viết tắt: V);** Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Trung - Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng thương mại cổ phần V (*Văn bản ủy quyền số 171/2019/UQ-VPB ngày 29/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng*). Ông Đỗ Thành Trung ủy quyền lại cho các ông có tên sau (*Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng*):

+ Ông Lê Ngọc T - Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ Miền Trung Ngân hàng thương mại cổ phần VAMC - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Anh T1 - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần VAMC - Có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Bá T2 - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần VAMC - Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Tổ 50 mới (tổ 117 cũ), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 50 mới, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Trần Thị Diệu T3**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 50 mới, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Cháu **Nguyễn Văn P1**, sinh ngày 13/12/2008; Địa chỉ: Tổ 50 mới, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Là con đẻ của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3.

+ Cháu **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 23/4/2010; Địa chỉ: Tổ 50 mới, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Là con đẻ của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3.

Người giám hộ của cháu Nguyễn Văn P1 và cháu Nguyễn Văn Q: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1980 và bà **Trần Thị Diệu T3**, sinh năm 1985 - Là cha mẹ đẻ; Cùng địa chỉ: Tổ 50 mới, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Vtrình bày:**

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V- Chi nhánh Đà Nẵng theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 84 tháng (bằng 07 năm).

Các kỳ hạn trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 29 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.

Lãi suất trong hạn: 11%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 04/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2016, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tương ứng với thời hạn vay cộng biên độ 3%.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn.

Thực hiện Hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 150.000.000 đồng cho ông T, bà H ngày 29/12/2015 theo Khế ước nhận nợ Lần 01/Số 5707495.

2. Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Thời hạn vay: 120 tháng (bằng 10 năm).

Các kỳ hạn trả nợ: Gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 01 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn: Mua sắm vật dụng gia đình.

Lãi suất trong hạn: 10,9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, từ tháng 13 trở đi: Từ ngày 29/12/2018 sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của Bên Ngân hàng cộng biên độ 6,0%/năm. Từ ngày 01/01/2019

trở đi, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 04/4, 01/7 và 01/10 hàng năm.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn.

Thực hiện Hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 110.000.000 đồng cho ông T, bà H ngày 29/12/2017 theo Khế ước nhận nợ Lần 01/ số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD.

3. T sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa số 207, tờ bản đồ số 132 tại địa chỉ tổ 39 cũ (nay là tổ 50), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 số vào sổ cấp Giaays chứng nhận CH02289 do Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T. Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số 10923 ký ngày 08/12/2015 tại Phòng công chứng số 1 Đà Nẵng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 10923/SĐBS/01 ký ngày 29/12/2017 tại Phòng công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng. Đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Mặc dù thời hạn Hợp đồng chưa hết nhưng ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông T, bà H vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Vì vậy, nay Ngân hàng khởi kiện T3 hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi nêu trên theo thỏa T3 tại khoản 1 Điều 6 trong các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/10/2018.

Quá trình vay vốn đến nay, ông T/bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5707495:

- + Gốc đã trả: 57.120.000 đồng.

- + Lãi trong hạn đã trả: 37.318.905 đồng.

- + Lãi quá hạn đã trả: 0 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi đã trả: 94.438.905 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829:

- + Gốc đã trả: 7.336.043 đồng.

- + Lãi trong hạn đã trả: 7.987.651 đồng.

- + Lãi quá hạn đã trả: 0 đồng

Tổng cộng gốc và lãi đã trả: 15.323.694 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi cả 02 hợp đồng đã trả: 109.762.599. Trong đó:

- + Gốc đã trả: 64.456.043 đồng.

- + Lãi trong hạn đã trả: 45.306.556 đồng.

- + Lãi quá hạn đã trả: 0 đồng.

Tính đến ngày xét xử hôm nay 22/7/2020, ông T và bà H còn nợ Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là:

- Hợp đồng tín dụng số 5707495:

- + Dư nợ gốc: 92.880.000 đồng.

- + Nợ lãi trong hạn: 796.896 đồng.

- + Nợ lãi quá hạn: 29.124.072 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 122.800.968 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829:

+ Dư nợ gốc: 102.663.957 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.894.856 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 35.589.040 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 140.147.854 đồng.

- Tổng nợ gốc và lãi cả 02 hợp đồng: **262.948.822 đồng**. Trong đó:

+ Dư nợ gốc: 195.543.957 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 2.691.753 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 64.713.112 đồng.

Đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1/ Buộc ông T, bà H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 22/7/2020, khoản tiền này là:

- Hợp đồng tín dụng số 5707495:

+ Dư nợ gốc: 92.880.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 796.896 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 29.124.072 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 122.800.968 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829:

+ Dư nợ gốc: 102.663.957 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.894.856 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 35.589.040 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 140.147.854 đồng.

- Tổng nợ gốc và lãi cả 02 hợp đồng: **262.948.822 đồng**. Trong đó:

+ Dư nợ gốc: 195.543.957 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 2.691.753 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 64.713.112 đồng.

2/ Buộc ông T, bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày **23/7/2020** theo đúng thỏa T3ận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T, bà H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

3/ Buộc ông T, bà H phải thanh toán số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ T sản thế chấp 3.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng theo thông báo số 08/TB-TA ngày 13/4/2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu.

4. Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Diệu T3, cháu Nguyễn Văn P1, cháu Nguyễn Văn Q bàn giao lại toàn bộ T sản xây dựng trái phép trên lô đất trên để Ngân hàng xử lý T3 nợ vì đây là T sản thế chấp của Ngân hàng đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

5. Khi án có hiệu lực, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi T sản bảo đảm là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa số 207, tờ bản đồ số 132 tại địa chỉ tổ 39 cũ (nay là tổ 50), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH02289 do Ủy ban nhân dân

quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H nhưng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến trình bày đối với vụ án.**

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 trình bày:**

Ông Nguyễn Văn T là chú ruột của ông Nguyễn Văn P; bà Bùi Thị Huệ là mẹ đẻ ông Nguyễn Văn P. Vào khoảng tháng 4 năm 2012, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 xin bà Bùi Thị Huệ và ông Nguyễn Văn T cho xây 01 ngôi nhà tạm trị giá 60.000.000 đồng trên phần đất của ông T và bà Huệ, mà không xin giấy phép xây dựng cũng như không báo cáo chính quyền địa phương và không xin giấy tờ gì. Bà Huệ và ông T nói miệng cho ông P, bà T3 phần đất và ông P, bà T3 đã xây nhà tạm trên đất bà Huệ và ông T có diện tích ngôi nhà khoảng 41m². Nay Tòa án giải quyết vụ án thì ông P, bà T3 mong muốn được Ngân hàng ưu tiên chuyển nhượng phần diện tích đất này cho ông bà vì ông bà và các con ông bà là cháu Nguyễn Văn P1 và cháu Nguyễn Văn Q đang ở ổn định trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng nguyên đơn với bị đơn T3ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình thêm T liệu, chứng cứ mới là Bản trình bày và bản kê tính lãi ngày 22/7/2020.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 không xuất trình thêm T liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

Theo các T liệu, chứng cứ Ngân hàng thương mại cổ phần Vcung cấp tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thể hiện:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần V- Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017. Trong quá trình vay vốn, mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay Ngân hàng thương mại cổ phần Vkhởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải thanh toán dứt điểm số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2020 đối với:

- Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015:

- + Dư nợ gốc: 92.880.000 đồng.

- + Nợ lãi trong hạn: 796.896 đồng.

- + Nợ lãi quá hạn: 29.124.072 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 122.800.968 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017:

- + Dư nợ gốc: 102.663.957 đồng.

- + Nợ lãi trong hạn: 1.894.856 đồng.

- + Nợ lãi quá hạn: 35.589.040 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 140.147.854 đồng.

- Tổng nợ gốc và lãi cả 02 hợp đồng: **262.948.822 đồng**. Trong đó:

- + Dư nợ gốc: 195.543.957 đồng.

- + Nợ lãi trong hạn: 2.691.753 đồng.

- + Nợ lãi quá hạn: 64.713.112 đồng.

Mặc dù ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng căn cứ vào các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Ngân hàng thương mại cổ phần Vcung cấp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định tạm tính đến ngày 22/7/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền của cả 02 hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017) là **262.948.822 đồng**, trong đó: nợ gốc 195.543.957 đồng, nợ lãi trong hạn 2.691.753 đồng, nợ lãi quá hạn 64.713.112 đồng.

Xét thấy giao dịch dân sự giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H là không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5707495 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829 nên việc Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thanh toán số tiền 262.948.822 đồng là có cơ sở, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H mặc dù đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V trong thông báo thụ lý vụ án và nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình T liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn

nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Vtạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 22/7/2020 số tiền 262.948.822 đồng như đã nêu trên.

Sau khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Vphải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

Đối với yêu cầu xử lý T sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, T sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 10923 ngày 28/12/2015, Hội đồng xét xử xét thấy: T sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và T sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T nên việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thế chấp để vay tiền là đúng với khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chưa đến hạn trả nợ nhưng do quá trình trả, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và điểm a khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017. Do đó việc Ngân hàng thương mại cổ phần Vkhởi kiện T3 hồi nợ nêu trên là có cơ sở, phù hợp với thỏa T3ận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H tại khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và khoản 2 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017 (*“Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định T3 hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định T3 hồi nợ trước hạn, tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay theo Hợp đồng này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn”*).

Vì các lẽ trên, Ngân hàng thương mại cổ phần Vđược quyền xử lý T sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và T sản gắn liền với đất nêu trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2020 thì T sản thế chấp có thay đổi hiện trạng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T, cụ thể phát sinh thêm 01 ngôi nhà cấp 04 có diện tích khoảng 41m² (ngôi nhà này nằm trên phần diện tích đất

của ông Nguyễn Văn T và trên một phần diện tích đất của bà Bùi Thị Huệ). Người đang trực tiếp sinh sống trên T sản thế chấp ngoài vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ H còn có ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Diệu T3, cháu Nguyễn Văn P1 và cháu Nguyễn Văn Q. Theo ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 thì ông bà làm ngôi nhà này trên đất của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ngôi nhà này là của ông bà.

Tại Điều 301 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Giao T sản bảo đảm để xử lý.*

Người đang giữ T sản bảo đảm có nghĩa vụ giao T sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý khi T3ộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.

Trường hợp người đang giữ T sản không giao T sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”.

Do đó, việc Ngân hàng thương mại cổ phần Vyêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Diệu T3, cháu Nguyễn Văn P1 và cháu Nguyễn Văn Q phải có nghĩa vụ giao T sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và T sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132 tại địa chỉ tổ 39 cũ (nay là tổ 50), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Vđề xử lý T sản bảo đảm là có cơ sở chấp nhận, đúng quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:

[2.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

[2.1.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, T3 thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

[2.1.2] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Còn bị đơn không

tham gia quá trình tố tụng và vắng mặt tại các phiên tòa là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên nhận thấy: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H vay vốn tại Ngân hàng TMCP V(VPBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 (Số tiền vay: 150.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: Gốc + lãi trả hàng tháng vào ngày 29 của tháng) và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017 (Số tiền vay: 110.000.000 đồng; Thời hạn vay: 120 tháng; Các kỳ hạn trả nợ: Gốc + lãi trả hàng tháng vào ngày 01 của tháng).

Ngày 29/12/2015 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nhận đủ 150.000.000 đồng theo theo Khế ước nhận nợ lần 01/Số 5707495.

Ngày 29/12/2017 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nhận đủ 110.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 01/Số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD.

T sản bảo đảm: Toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132, địa chỉ: Tổ 39, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH02289 do UBND quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H). Việc thế chấp được xác định theo Hợp đồng thế chấp số 10923 ký ngày 08/12/2015 tại Văn phòng công chứng số 1 Đà Nẵng và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 10923/SĐBS/01 ký ngày 29/12/2017 tại Văn phòng công chứng số 1 Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng VPBank cho rằng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank theo thỏa T3ận trong các Hợp đồng tín dụng nên yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H phải thanh toán số tiền còn nợ là: 231.096.951 đồng tạm tính đến ngày 10/9/2019.

Tại phiên tòa, Ngân hàng VPBank yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 22/7/2020 là số tiền 262.948.822 đồng. Trong đó:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015:

+ Dư nợ gốc: 92.880.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 796.896 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 29.124.072 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 122.800.968 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017:

+ Dư nợ gốc: 102.663.957 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 1.894.856 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 35.589.040 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi: 140.147.854 đồng.

Đối với yêu cầu xử lý T sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, T sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 10923 ngày 28/12/2015, Hội đồng xét xử xét thấy: T sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và T sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T nên việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thế chấp để vay tiền là đúng với khoản 2 Điều 292, Điều 293, Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ông T và bà H quá trình Tòa án giải quyết không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do tại phiên tòa hôm nay.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 có trình bày ngôi nhà diện tích khoảng 41m² tọa lạc tại thửa đất số 207, tờ bản đồ 132 tại tổ 50, phường H1, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng là T sản của ông bà tự xây nên mà có nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không xem xét giải quyết. Ông P và bà T3 có nguyện vọng mua lại T sản thế chấp tại Ngân hàng để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, tại các Điều 6, 7 Hợp đồng tín dụng số 5707495 và các Điều 6, 7 Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD quy định: Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc, trả nợ lãi nào theo thỏa T3ận trong Hợp đồng thì Bên ngân hàng có quyền T3 hồi toàn bộ dư nợ vay còn lại trước thời hạn và các khoản nợ gốc, lãi của bên vay sẽ là nợ quá hạn. Do đó ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng VPBank là có căn cứ và cần chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017; Điều 292, 293, 295, 299, 317, 318, 320, 463, 466 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 262.948.822 đồng x 5% = 13.147.441 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do Ngân hàng thương mại cổ phần Vchịu đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã chi xong. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Khoản 1, khoản 7 Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Nghị quyết quy định về mức T3, miễn, giảm, T3, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần Vđôi với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với Hợp đồng tín dụng số 5707495 ngày 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Vtại Hợp đồng tín dụng số 5707495 29/12/2015 số tiền nợ gốc 92.880.000 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 796.896 đồng (Bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 29.124.072 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm hai mươi tư nghìn không trăm bảy mươi hai đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi 122.800.968 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Vtại Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017 số tiền nợ gốc 102.663.957 đồng (Một trăm linh hai triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng), nợ lãi trong hạn 1.894.856 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi tư nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), nợ lãi quá hạn 35.589.040 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi 140.147.854 đồng (Một trăm bốn mươi triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

Tổng cộng buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Vcả 02 hợp đồng tín dụng (Hợp đồng tín dụng số 5707495 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017) là **262.948.822 đồng** (Hai trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm hai mươi hai đồng). Trong đó:

Tổng nợ gốc cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 195.543.957 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng).

Tổng nợ lãi trong hạn cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 2.691.753 đồng (Hai

triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

Tổng nợ lãi quá hạn cả 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 64.713.112 đồng (Sáu mươi tư triệu bảy trăm mười ba nghìn một trăm mười hai đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 23/7/2020 đối với khoản nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 5707495 29/12/2015 và Hợp đồng tín dụng số LN1712220398829/ĐNG/HĐTD ngày 29/12/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất thỏa T3ận trong Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Vvà ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H cho đến khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H trả hết khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa T3ận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Sau khi ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Vphải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và T sản khác gắn liền với đất số BI 181737 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu cấp ngày 15/6/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn T.

5. Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Diệu T3, cháu Nguyễn Văn P1 và cháu Nguyễn Nguyễn Văn Q phải giao lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Vđể xử lý T sản bảo đảm là T sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất của thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132 tại địa chỉ tổ 39 cũ (nay là tổ 50), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và ngôi nhà phát sinh do ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị Diệu T3 tự xây dựng trên thửa đất số 207, tờ bản đồ số 132 tại địa chỉ tổ 39 cũ (nay là tổ 50), phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

6. Về án phí:

6.1. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.147.441 đồng (Mười ba triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng).

6.2. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 5.777.423đ theo biên lai T3 tiền số 0004687 ngày 20/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu. Do Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã chi xong nên buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Mỹ H phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

8. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị

đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

9. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Hương